

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Trịnh Thị Th**, sinh năm 1985;
- *Bị đơn:* **Anh Hà Văn Q**, sinh năm 1982.

Đều ở địa chỉ: khu M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn:** Giữa chị Trịnh Thị Th và anh Hà Văn Q.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

- a. *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị Th và anh Q có 03 con chung là cháu Hà Thị Hồng T1, sinh ngày 04/12/2009, cháu Hà Xuân Tr, sinh ngày 02/3/2014 và cháu Hà Xuân H, sinh ngày 17/11/2016. Khi ly hôn, chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu H; anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr đến khi từng cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được

cản trở.

- b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Th và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.
  - c. *Về án phí:* Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0007433 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị Th 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
  4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Mai**

